

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2794** QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **08** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tạm thời về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực báo chí, thông tin, kinh doanh và quản lý;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung

cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực công nghệ, kiến trúc, công trình xây dựng, cơ khí, điện, điện tử, truyền thông và hóa hoach;

Căn cứ Thông tư số 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực vật liệu, luyện kim, sản xuất và công nghệ kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;

Căn cứ Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực kỹ thuật mỏ và kỹ thuật khác;

Căn cứ Thông tư số 51/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực sản xuất, chế biến và xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 52/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và thú y;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 55/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các nghề thuật lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục và phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh Yên Bái; Quyết định số 1612/QĐ-UBND

ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều thay thế phụ lục của Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2670/STC-HCSN ngày 11/11/2021 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 241/TTr-SLĐTBXH ngày 18/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hiệu trưởng các trường: Cao đẳng nghề Yên Bái, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch, Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ, Trung cấp Lục Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *the*

Nơi nhận: *the*

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hạnh Phúc



QUY ĐỊNH TAM THỜI

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị được đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các danh mục ngành nghề đào tạo cấp IV theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017; danh mục ngành, nghề đào tạo nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017; danh mục ngành, nghề đào tạo khó tuyển dụng nhưng xã hội có nhu cầu, các ngành nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định tại Thông tư số 37/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Quy định này áp dụng đối với phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc đặt hàng các dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp không điều chỉnh tại quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước trong việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

2. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trường trung cấp, cao đẳng) thực hiện nhiệm vụ đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả thực hiện các dịch vụ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành, kết hợp với mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước tại quy định này đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ nhưng không trái quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công đó bằng phương thức đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt”.

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp là số lượng môn học, modul hoặc tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo mà người học phải đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo tùy theo từng ngành, nghề và từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp.

5. Năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp là những kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng làm việc của cá nhân trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm trong giải quyết công việc tương ứng với trình độ và ngành, nghề đào tạo.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với đặt hàng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng sử dụng ngân sách Nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thống nhất quản lý hoạt động đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc tỉnh Yên Bái quản lý.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG, CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Điều 5. Tiêu chí về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học cần đạt được

1. Trình độ trung cấp:

a) Khối lượng kiến thức đối với trình độ trung cấp tối thiểu là 35 tín chỉ đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương; 50 tín chỉ

đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương và có thời gian học tập từ 1 đến 2 năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo.

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo ngành, nghề đào tạo nhưng phải đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; thực hành từ 55% - 75%.

2. Trình độ cao đẳng:

a) Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với trình độ cao đẳng là 60 tín chỉ và có thời gian học tập từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành, nghề đào tạo.

b) Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo ngành, nghề đào tạo nhưng phải đảm bảo tỷ lệ: Lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành từ 50% - 70%.

3. Khối lượng kiến thức tối thiểu của từng nghề đào tạo theo quy định tại điều 6 của Quy định này.

Điều 6. Tiêu chí về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

1. Đào tạo trình độ trung cấp yêu cầu người học sau khi tốt nghiệp phải có năng lực thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, cụ thể:

a) Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản của ngành, nghề đào tạo;
- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề bằng việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp cơ bản, công cụ, tài liệu và thông tin;

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có năng lực ngoại ngữ cơ bản theo chương trình đào tạo.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện.

2. Đào tạo trình độ cao đẳng yêu cầu người học có năng lực thực hiện được công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của ngành, nghề đào tạo; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc, cụ thể:

a) Kiến thức:

- Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản của ngành nghề đào tạo;
- Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;
- Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng;
- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo;
- Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc;
- Có năng lực ngoại ngữ cơ bản theo chương trình đào tạo.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

Điều 7. Tiêu chuẩn về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực của người học đối với từng ngành, nghề đào tạo

Người học phải đạt được khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các phụ lục kèm theo Quy định này, cụ thể:

- Phụ lục 1a: Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - Trình độ đào tạo: Cao đẳng;
- Phụ lục 1b: Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí - Trình độ đào tạo: Trung cấp;
- Phụ lục 2a: Nghề Điện tử công nghiệp - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 2b: Nghề Điện tử công nghiệp - Trình độ: Trung cấp;

- Phụ lục 3a: Nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 3b: Nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 4a: Nghề Công nghệ ô tô - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 4b: Nghề Công nghệ ô tô - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 5a: Nghề Kế toán doanh nghiệp - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 5b: Nghề Kế toán doanh nghiệp - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 6a: Nghề Quản lý kinh doanh nông nghiệp - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 6b: Nghề Quản lý kinh doanh nông nghiệp - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 7a: Nghề Công tác xã hội - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 7b: Nghề Công tác xã hội - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 8a: Nghề Điện công nghiệp - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 8b: Nghề Điện công nghiệp - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 9: Nghề Cát gọt kim loại - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 10a: Nghề Hàn - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 10b: Nghề Hàn - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 11: Nghề Vận hành máy thi công nền - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 12: Nghề May thời trang - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 13: Nghề Kỹ thuật xây dựng - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 14: Nghề Điều dưỡng - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 15a: Nghề Hướng dẫn du lịch - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 15b: Nghề Hướng dẫn du lịch - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 16: Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 17a: Nghề Biểu diễn nhạc cụ truyền thống - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 17b: Nghề Biểu diễn nhạc cụ truyền thống - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 18a: Nghề Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 18b: Nghề Biểu diễn nhạc cụ Phương Tây - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 19a: Nghề Thanh nhạc - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 19b: Nghề Thanh nhạc - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 20a: Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc - Trình độ: Cao đẳng;
- Phụ lục 20b: Nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 21: Nghề Thiết kế đồ họa - Trình độ: Trung cấp;
- Phụ lục 22: Nghề Thú y - Trình độ: Trung cấp.

Điều 8. Cơ chế giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm đặt hàng

1. Cơ chế giám sát

a) Các cơ quan đặt hàng có trách nhiệm giám sát, đánh giá chất lượng các ngành, nghề đào tạo đảm bảo các ngành, nghề đào tạo đặt hàng thực hiện theo đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này, Quyết định đặt hàng của cơ quan thực hiện nhiệm vụ đặt hàng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Khi phát hiện sai sót trong quan trình thực hiện, cơ quan đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ có trách nhiệm yêu cầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá chất lượng các sản phẩm đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ

Cơ quan đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đánh giá chất lượng sản phẩm đặt hàng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp toàn khóa đảm bảo đầy đủ các tiêu chí về khối lượng kiến thức, và năng lực tối thiểu để làm cơ sở nghiệm thu và quyết toán kinh phí đặt hàng cho đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ công toàn bộ khóa học của học sinh, sinh viên, gồm:

a) Người học phải đạt các tiêu chí theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này; đối với từng ngành nghề đào tạo phải đạt các tiêu chuẩn về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực tại các phụ lục tương ứng theo Điều 7 của Quy định này thì được đánh giá là đạt. Trong trường hợp người học không đạt một trong các tiêu chí tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy định này thì đánh giá là không đạt.

b) Sau khi kết thúc khóa học, học sinh, sinh viên đủ điều kiện thi và đỗ tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

c) Trong khoảng thời gian 06 tháng sau khi tốt nghiệp, đảm bảo ít nhất 80% học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn cùng chuyên ngành.

Chương III

QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG

Điều 9. Quy trình đặt hàng của các cơ quan đơn vị

Hàng năm, trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ số lượng, khối lượng, nhiệm vụ dịch vụ công, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được ủy quyền.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆM THU, THANH TOÁN ĐẶT HÀNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP



Điều 10. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm

1. Phương thức nghiệm thu sau mỗi học kỳ

Sau mỗi học kỳ, các trường cao đẳng, trung cấp tiến hành thống kê, bàn giao kết quả đào tạo của học kỳ trước đó theo danh mục các nghề và danh sách học sinh, sinh viên đặt hàng của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Yên Bái để thực hiện nghiệm thu sản phẩm. Chậm nhất trong 30 ngày sau khi kết thúc học kỳ, hai đơn vị phải hoàn thành nghiệm thu kết quả đào tạo để làm căn cứ thanh, quyết toán kinh phí đặt hàng theo quy định.

- Bàn giao kết quả đào tạo: Tài liệu bàn giao bao gồm:
 - + Bảng kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên theo kỳ;
 - + Bảng điểm danh học sinh, sinh viên tham gia học tập theo tháng;
 - + Bảng kết quả học tập các môn học/modun và kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên;
 - + Danh sách học sinh, sinh viên học lại, thi lại;
 - + Biên bản bàn giao hồ sơ;
 - + Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm;
 - + Biên bản nghiệm thu đặt hàng;
 - + Quyết định xóa tên (buộc thôi học) học sinh, sinh viên (nếu có).

2. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm sau khi kết thúc khóa đào tạo

Sau khi kết thúc khóa học, các trường cao đẳng, trung cấp tiến hành bàn giao kết quả đào tạo toàn khóa của học sinh, sinh viên các nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đặt hàng để phục vụ công tác nghiệm thu sản phẩm. Chậm nhất 30 ngày sau khi học sinh, sinh viên hoàn thành thi tốt nghiệp, hai đơn vị phải hoàn thành nghiệm thu kết quả đào tạo toàn khóa. Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm;
- Kết quả tốt nghiệp của học sinh, sinh viên (kèm theo danh sách);
- Danh sách học sinh, sinh viên có việc làm hoặc đăng ký học tiếp lên chương trình đào tạo cao hơn sau khi tốt nghiệp (nếu có);

Điều 11. Phương thức thanh toán, quyết toán

1. Các trường cao đẳng, trung cấp sau khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiệm thu và chốt khối lượng (số học sinh, sinh viên tham gia đào tạo) hàng tháng đặt hàng, làm thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp số lượng học sinh, sinh viên nghiệm thu hàng tháng thực hiện ít hơn số lượng đặt hàng ban đầu thì giá trị nghiệm thu, thanh toán là phần nghiệm thu thực tế số học sinh, sinh viên tham gia đào tạo.

3. Đối với số học sinh, sinh viên nghỉ học giữa chừng được thanh toán kinh phí đào tạo đến thời điểm học sinh, sinh viên nghỉ học theo quyết định xóa tên của nhà trường. Chi phí sau khi học sinh, sinh viên nghỉ học được cắt giảm các nội dung chi liên quan đến cá nhân học sinh, sinh viên (bao gồm cả chi phí vật tư thực hành, thực tập); các chi phí chung không thay đổi.

4. Hình thức thanh toán: Theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các trường trung cấp, cao đẳng tổng hợp kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, kinh phí đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với các trường: Cao đẳng nghề Yên Bái, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch và các trường trung cấp trực thuộc.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá đặt hàng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp đối với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực của người học đối với các ngành, nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ đào tạo (ngoài các nghề đã được ban hành tại Quy định này).

5. Theo dõi, đánh giá về tình hình việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp trong vòng 6 tháng do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đặt hàng báo cáo làm căn cứ để đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi và giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ đặt hàng với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh.

7. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, các nội dung đặt hàng với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho phù hợp với thực tiễn và theo quy định của pháp luật.

8. Định kỳ hàng năm (**trước ngày 20/12**) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư) kết quả thực hiện nhiệm vụ đặt hàng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và thực hiện các báo cáo đột xuất theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí đặt hàng các ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá đặt hàng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi và giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ đặt hàng với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, cân đối, lồng ghép, huy động nguồn lực ngân sách thực hiện đặt hàng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp đối với các nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trường trung cấp, cao đẳng) thực hiện nhiệm vụ đặt hàng

1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh hàng năm các nghề đã được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; xây dựng dự toán kinh phí, gửi hồ sơ đặt hàng về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các nghề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá.

2. Xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo đảm đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra, đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Tổ chức cung ứng các dịch vụ đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện cung ứng.

4. Gắn kết hoạt động đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động sau khi học nghề, đào tạo nghề theo nhu cầu, địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đào

tạo, tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo. Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của học sinh, sinh viên sau đào tạo, kết quả tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp trong vòng 6 tháng.

4. Xây dựng và lưu giữ toàn bộ hồ sơ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp.

5. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát, chốt số học sinh, sinh viên tham gia đào tạo hàng tháng, mỗi học kỳ và kết thúc chương trình đào tạo của mỗi khóa đào tạo, tổ chức nghiệm thu và bàn giao kết quả đào tạo.

6. Sản phẩm dịch vụ giáo dục nghề nghiệp đảm bảo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng về chất lượng, kết quả đào tạo, hiệu quả đào tạo.

7. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

8. Định kỳ hàng năm (**trước ngày 15/12**), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) kết quả thực hiện nhiệm vụ đặt hàng dịch vụ công lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước và các báo cáo đột xuất theo quy định. *tru*

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Trình độ: Cao đẳng

1. Giới thiệu về ngành, nghề

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.524 giờ (tương đương 106 tín chỉ)

2. Kiến thức

- Kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Thành thạo được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

- Thành thạo được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

- Thành thạo được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

- Biết kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành.

- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh.

- Ứng dụng, cập nhật được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề.

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề.

- Có kiến thức về chính trị, văn hóa xã hội và pháp luật đáp ứng được yêu cầu với nghề.

- Có kiến thức công nghệ thông tin, công nghệ 4.0

- Có kiến thức ngoại ngữ Anh văn chuyên ngành.

3. Kỹ năng

- Thiết kế, xây dựng được dự toán nhân công, thiết kế hệ thống lạnh dân dụng.

- Kỹ năng nhận thức tư duy sáng tạo, để xác định công việc, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng.

- Kỹ năng truyền đạt có hiệu quả và sử lý thông tin tới người khác tại nơi làm việc

- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

- Thực hiện được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.

- Sửa chữa được các hư hỏng về điện, lạnh trong các hệ thống lạnh.

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị trong nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Trình độ: Trung cấp



1. Giới thiệu về ngành, nghề

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.000 giờ (tương đương 72 tín chỉ)

2. Kiến thức

- Kiến thức thực tế và lý thuyết tương đối nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
- Hiểu được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.
- Hiểu được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.
- Hiểu được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.
- Kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào.
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh.
- Ứng dụng, cập nhật được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề.
- Biết sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề.
- Có kiến thức về chính trị, văn hóa xã hội và pháp luật đáp ứng được yêu cầu với nghề.
- Có kiến thức công nghệ thông tin, công nghệ 4.0
- Có kiến thức ngoại ngữ Anh văn chuyên ngành.

3. Kỹ năng

- Kỹ năng nhận thức tư duy sáng tạo, để xác định công việc, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng.
- Kỹ năng truyền đạt có hiệu quả và sử lý thông tin tới người khác tại nơi làm việc
- Thực hiện được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.
- Thực hiện được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất.
- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điện, lạnh trong các hệ thống lạnh.
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị trong nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP**

Trình độ: Cao đẳng

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 3000 giờ (tương đương: 133 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật để phân tích các hiện tượng hư hỏng một cách khoa học, hợp lí.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các linh kiện điện tử, đặc biệt là các linh kiện điện tử chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng, của các mạch điện tử cơ bản, các mạch điện chuyên biệt được dùng trong thiết bị điện tử công nghiệp.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện tử thông dụng trong công nghiệp, các dây chuyền công nghiệp.
- Phân tích được nguyên lý hoạt động của các mạch điện, của các thiết bị điện tử trong thiết kế, kiểm tra sửa chữa.

3. Kỹ năng

- Tự thiết kế được một số mạch điện thay thế, mạch điện ứng dụng. Đáp ứng yêu cầu công việc sửa chữa hay cải tiến chế độ làm việc của thiết bị điện tử công nghiệp.
- Vận hành được các thiết bị điện, điện tử trong các dây chuyền công nghiệp.
- Lắp đặt, kết nối các thiết bị điện tử trong dây chuyền công nghiệp.
- Bảo trì, sửa chữa được các thiết bị điện tử theo yêu cầu công việc.
- Lắp ráp, vận hành các thiết bị điện tử trong xí nghiệp và dây chuyền công nghiệp;
- Lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các mạch điện tử cơ bản;
- Lắp đặt và sửa chữa bảo dưỡng các khí cụ điện hạ thế;
- Lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các bộ điều khiển;
- Lắp đặt và bảo trì các mạch xung – số;
- Lắp đặt và sửa chữa các vi mạch số và IC thông dụng;
- Phân tích, lắp ráp các bộ biến đổi công suất; lắp đặt các hệ thống đo lường điện tử;
- Lắp đặt các tủ điều khiển thiết bị công nghiệp, các thiết bị và hệ thống bảo vệ, các bảng mạch điện tử công nghiệp;

- Kiểm tra sửa chữa được các hư hỏng trên thiết bị điện tử công nghiệp;
- Thay thế tương đương, linh kiện, mạch điện hư hỏng đơn giản trên thiết bị điện tử công nghiệp;
- Hiệu chỉnh được các thông số kỹ thuật của mạch điện;
- Xử lý một số tình huống phát sinh trong quá trình làm việc của thiết bị;
- Lập trình đơn giản các phần mềm khi có sự cố; kết nối mạch điện đúng theo sơ đồ nguyên lý; chống ẩm và rò điện tốt cho thiết bị; vận hành chạy thử toàn bộ mạch điện;
- Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp.
- Lập trình được cho vi điều khiển, PLC trong các ứng dụng cụ thể;
- Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành điện tử công nghiệp;
- Kết nối được các thiết bị truyền thông có dây và không dây, kết nối mạng Modbus, Mạng AS-i, Mạng Industrial Ethernet;
- Xác định, xử lý được các sự cố mạng truyền thông công nghiệp thông thường.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2000 giờ (tương đương: 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật để phân tích các hiện tượng hư hỏng một cách khoa học, hợp lí.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các linh kiện điện tử, đặc biệt là các linh kiện điện tử chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng, của các mạch điện tử cơ bản, các mạch điện chuyên biệt được dùng trong thiết bị điện tử công nghiệp.
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thiết bị điện tử thông dụng trong công nghiệp, các dây chuyền công nghiệp.

3. Kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các thiết bị đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ của nghề Điện tử công nghiệp;
- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử công nghiệp (bản vẽ chi tiết, bản vẽ sơ đồ lắp, bản vẽ sơ đồ nguyên lý);
- Vận hành được các thiết bị điện, điện tử trong dây chuyền công nghiệp;
- Lắp đặt, kết nối được các thiết bị điện tử trong dây chuyền công nghiệp;
- Bảo trì, sửa chữa được các thiết bị điện tử theo yêu cầu công việc;
- Thiết kế và thực hiện được mạch điện thay thế, mạch điện ứng dụng;
- Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn điện và vệ sinh công nghiệp.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)
Trình độ: Cao đẳng**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 3000 giờ (tương đương 120 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Phân biệt được các loại phần mềm và các thuật ngữ chuyên ngành của phần mềm.
- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.
- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu.
- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu.
- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu.
- Đánh giá được quy mô, hiện trạng của mạng máy tính.
- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi hệ thống mạng máy tính.
- Phân loại được các thành phần chung của máy tính.
- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc.
- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động.

3. Kỹ năng

- Thiết kế được sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng dựa vào đặc tính của phần mềm ứng dụng.
- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao.
- Lựa chọn được phương pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống.
- Thiết kế, xây dựng được hệ thống mạng cơ bản.
- Lựa chọn được các cơ chế đảm bảo an toàn dữ liệu.
- Thực hiện được các công việc lắp ráp, cài đặt, thiết lập các thông số cơ bản của máy tính.
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc.
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động.
- Đọc, hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.
- Quản lý nhóm, giám sát hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2000 giờ (tương đương 79 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Phân biệt được các loại phần mềm và các thuật ngữ chuyên ngành của phần mềm.

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu.

- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu.

- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu.

- Đánh giá được quy mô, hiện trạng của mạng máy tính.

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi hệ thống mạng máy tính.

- Phân loại được các thành phần chung của máy tính.

- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc.

- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động.

3. Kỹ năng

- Thiết kế được sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng dựa vào đặc tính của phần mềm ứng dụng.

- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao.

- Lựa chọn được phương pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống.

- Thiết kế, xây dựng được hệ thống mạng cơ bản.

- Lựa chọn được các cơ chế đảm bảo an toàn dữ liệu.

- Thực hiện được các công việc lắp ráp, cài đặt, thiết lập các thông số cơ bản của máy tính.

- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc.

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động.

- Đọc, hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.

- Quản lý nhóm, giám sát hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ**
Trình độ: Cao đẳng



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 3000 giờ (tương đương 116 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở về Vẽ kỹ thuật, Kỹ thuật điện - điện tử, Vật liệu cơ khí, Dung sai lắp ghép và Đo lường, Tin học, Tiếng Anh... vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.

- Trình bày được nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô.

- Giải thích được nguyên lý hoạt động của hệ thống điều khiển bằng điện tử của ô tô hiện đại.

- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô.

- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị sử dụng trong nghề Công nghệ ô tô.

- Giải thích được ý nghĩa, nội dung của công tác kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và quản lý, tổ chức sản xuất.

3. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra sử dụng trong nghề công nghệ ô tô.

- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.

- Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô.
- Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.
- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp.
- Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản.
- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2000 giờ (tương đương 76 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở về Vẽ kỹ thuật, dung sai lắp ghép và đo lường, vật liệu, tin học, tiếng Anh vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.
- Trình bày được nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.
- Đọc được bản vẽ kỹ thuật; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng ô tô.
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô.
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng ô tô.
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị sử dụng trong nghề Công nghệ ô tô.
- Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

3. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra sử dụng trong nghề công nghệ ô tô.
- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.
- Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.
- Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
Trình độ: Cao đẳng**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 3.000 giờ (tương đương 136 tín chỉ).

- Số lượng môn học, mô đun: 38
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 136 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 31 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 105 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 964 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2.036 giờ

2. Kiến thức

Sau khi đào tạo đảm bảo người học:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề nghiệp kế toán;

+ Trình bày được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản, cần thiết về tin học, ngoại ngữ liên quan đến việc thực hiện nghiệp vụ kế toán;

+ Phân tích được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán;

+ Biết cách xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Biết được cách cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

3. Kỹ năng

+ Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;

+ Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Lập báo cáo kế toán tài chính như: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính,... và báo cáo thuế của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- + Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- + Sử dụng phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán như phần mềm kế toán misa, phần mềm hỗ trợ khai báo thuế HTKK.
- + Khai báo được các phần mềm ứng dụng để thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu trên máy tính phục vụ công việc.
- + Kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Kỹ năng cung cấp thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- + Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán doanh nghiệp

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

Trình độ: Trung cấp

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.000 giờ (tương đương 88 tín chỉ).

- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.000 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 294 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.706 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 624 giờ; Thực hành: 1.376 giờ

2. Kiến thức

Sau khi đào tạo đảm bảo người học:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề nghiệp kế toán;

+ Trình bày được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản, cần thiết về tin học, ngoại ngữ liên quan đến việc thực hiện nghiệp vụ kế toán;

+ Phân tích được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán;

+ Biết cách xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Biết được cách cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

3. Kỹ năng

+ Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;

+ Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Tổ chức công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Lập báo cáo kế toán tài chính như: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính,... và báo cáo thuế của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- + Sử dụng phần mềm kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán như phần mềm kế toán misa....
- + Kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Kỹ năng cung cấp thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- + Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nghề kế toán doanh nghiệp

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MANGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**
Trình độ: Trung cấp

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1860 giờ (tương đương 96 tín chỉ).

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức kỹ năng toàn khóa học: 1860 giờ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 285 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn : 1575 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 711 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1060 giờ;
Thi Kiểm tra, thi hết môn: 89 giờ

2. Kiến thức

Nghề Quản lý và Kinh doanh nông nghiệp cung cấp cho người học các kiến thức về:

- + Cơ sở lý luận cơ bản nhất của Chủ nghĩa Mác- Lênin, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam. Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế của Đảng trong giai đoạn hiện nay.
- + Quản lý kinh tế - xã hội tại các đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước cấp xã, phường.
- + Quản trị và kinh doanh nông nghiệp; công tác quy hoạch phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ nông thôn, phục vụ cho cuộc vận động “*xây dựng, phát triển nông thôn mới*”.
- + Phương pháp hạch toán kế toán, kế toán doanh nghiệp, lý thuyết thống kê và thống kê nông nghiệp; kiến thức về kinh tế hộ - trang trại.
- + Tổ chức quản lý sản xuất, lập - phân tích và giám sát tiểu dự án nông lâm nghiệp, kinh tế hộ - trang trại; công tác thống kê tại các xã phường; công tác kế toán, tài chính tại các đơn vị sản xuất và kinh doanh nông nghiệp.
- + Nội dung Marketing như: Marketing sản phẩm hàng hóa; Marketing nông nghiệp, Marketing dịch vụ để vận dụng được trong thực tiễn sản xuất kinh doanh, trong giao tiếp và thuyết trình.
- + Tin học phổ thông trong công tác quản lý và kinh doanh nông nghiệp;
- + Trang bị cho người học những kiến thức tin học phổ thông, kỹ năng viết báo cáo, cách nghiên cứu vấn đề khoa học nông nghiệp, cách viết một luận văn tốt nghiệp phục vụ trong công tác quản lý và kinh doanh nông nghiệp khi ra trường;

3. Kỹ năng

+ Sử dụng được máy vi tính phục vụ cho công việc khi ra trường; đọc, nói, giao tiếp tiếng Anh ở trình độ đơn giản.

+ Phân tích, xử lý và thực hiện được các chính sách trong công tác quản lý kinh tế, quản lý kinh tế nông nghiệp của Đảng và Nhà nước tại cơ sở.

+ Phân tích sự lý được một số công tác nghiệp vụ trong công tác quản lý kinh tế nông nghiệp nông thôn như: vận dụng hệ thống chỉ tiêu biểu hiện kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong sản xuất; tính toán được các chỉ tiêu phục vụ trong quá trình quản lý ở các đơn vị sản xuất, của địa phương.

+ Lập các biểu mẫu thống kê, thống kê nông nghiệp ở xã (phường) xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch Marketing phục vụ cho công việc khi ra trường.

+ Xây dựng, phân tích chuỗi giá trị, chuỗi giá trị cho người nghèo và đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị phục vụ cho sản xuất của hộ, trang trại và ở địa phương.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI**
Trình độ: Cao đẳng



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 3.000 giờ .

- Số lượng môn học, mô đun: 37
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 3.000 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 476 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.524 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 895 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.934 giờ;
Kiểm tra và thi kết thúc môn học/ mô đun: 171 giờ

2. Kiến thức

Trình bày những kiến thức cơ bản về :

- Điều tra xã hội học
- Tổ chức huy động nguồn lực;
- Tổ chức các hoạt động văn hóa;
- Phát triển, chăm sóc sức khỏe cộng đồng;
- Giao tiếp, thương thuyết, truyền thông và vận động;
- Tâm lý ứng dụng trong giải quyết vấn đề của đối tượng;
- Tham vấn, trị liệu tâm lý; bình đẳng giới;
- Các chính sách an sinh xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù;
- Quản trị ngành công tác xã hội
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet phục vụ công việc chuyên môn.

3. Kỹ năng

- Kỹ năng thu thập thông tin kỹ năng phân tích và giải thích hiệu quả thông tin xã hội, cá nhân, môi trường, sức khỏe... là một phần quan trọng của công tác xã hội;
- Kỹ năng thiết lập mối quan hệ: Nhân viên xã hội phải thiết lập và duy trì các mối quan hệ chuyên nghiệp với khách hàng của họ để tránh làm căng thẳng cảm xúc;
- Kỹ năng tham vấn, trị liệu tâm lý; bình đẳng giới;

- Kỹ năng quản trị ngành công tác xã hội
- Kỹ năng vận động chính sách;
- Kỹ năng thực hành: Tổ chức các chương trình hỗ trợ đối tượng; chương trình truyền thông và vận động, Tư vấn và giải quyết xung đột nhóm trong cộng đồng và gia đình; thực hiện kỹ năng thương thuyết và kỹ năng trị liệu tâm lý; xử lý khủng hoảng cho các đối tượng đặc thù ở cộng đồng;
- Kỹ năng tổ chức và quản lý: tổ chức và quản lý hoạt động nhóm ở các tổ chức, đơn vị ; Có tác phong công nghiệp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động theo yêu cầu của nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.000 giờ

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.000 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 294 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1706 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 564 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1326 giờ;
- Thi kiểm tra, kết thúc mô đun - môn học: 110 giờ

2. Kiến thức

a) Kiến thức chuyên môn: Hiểu biết những kiến thức cơ bản về tổ chức huy động nguồn lực; giao tiếp, thương thuyết; tham vấn, các chính sách an sinh xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù; ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet phục vụ công việc chuyên môn.

b) Kỹ năng thực hành: Tổ chức các chương trình hỗ trợ đối tượng; Tư vấn và giải quyết xung đột nhóm trong cộng đồng và gia đình; thực hiện kỹ năng thương thuyết và kỹ năng trị liệu tâm lý; xử lý khủng hoảng cho các đối tượng đặc thù ở cộng đồng;

c) Kỹ năng tổ chức và quản lý: Biết tổ chức và quản lý hoạt động nhóm ở các tổ chức, đơn vị; Có tác phong công nghiệp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động theo yêu cầu của nghề.

Trình bày những kiến thức cơ bản về :

- Tổ chức các hoạt động văn hóa;
- Tổ chức huy động nguồn lực;
- Giao tiếp, thương thuyết, truyền thông và vận động;
- Tâm lý ứng dụng trong giải quyết vấn đề của đối tượng;
- Tham vấn, trị liệu tâm lý; bình đẳng giới;
- Các chính sách an sinh xã hội với các nhóm đối tượng đặc thù;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet phục vụ công việc chuyên môn.

3. Kỹ năng

- Kỹ năng thu thập thông tin kỹ năng phân tích và giải thích hiệu quả thông tin xã hội, cá nhân, môi trường, sức khỏe... là một phần quan trọng của công tác xã hội;

- Kỹ năng thiết lập mối quan hệ: Nhân viên xã hội phải thiết lập và duy trì các mối quan hệ chuyên nghiệp với khách hàng của họ để tránh làm căng thẳng cảm xúc;

- Kỹ năng vận động chính sách;

- Kỹ năng thực hành: Tổ chức các chương trình hỗ trợ đối tượng; chương trình truyền thông và vận động, Tư vấn và giải quyết xung đột nhóm trong cộng đồng và gia đình; thực hiện kỹ năng thương thuyết và kỹ năng trị liệu tâm lý; xử lý khủng hoảng cho các đối tượng đặc thù ở cộng đồng;

- Kỹ năng tổ chức: tổ chức các hoạt động nhóm ở các tổ chức, đơn vị ; Có tác phong công nghiệp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động theo yêu cầu của nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

Trình độ: Cao đẳng



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu 3000 giờ (123.5 tín chỉ)

2. Kiến thức

2.1. Kiến thức cơ bản

- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Hiểu và sử dụng được các từ ngữ, cấu trúc tiếng Anh cơ bản trong giao tiếp; đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

- Nắm được cách thức và phương pháp rèn luyện thể chất.

- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng An ninh.

- Có tác phong công nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc về vệ sinh, an toàn trong sản xuất.

2.2. Kiến thức thực tế và lý thuyết

- Trình bày được những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;

- Trình bày và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

- Trình bày và phân tích được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống điện công nghiệp an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

- Phân tích được các hư hỏng về điện trong các hệ thống điện công nghiệp.

- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống điện công nghiệp;

- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;

- Phân tích được nguyên lý, cấu tạo của hệ thống điều khiển điện khí nén;

- Đọc, hiểu, cập nhật, ứng dụng được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề.

3. Kỹ năng

3.1. Kỹ năng cứng

- Tính toán, lựa chọn, thiết kế và lắp đặt phụ tải điện dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế, lắp ráp, sửa chữa thay thế, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp (Hệ thống điều khiển, điện tự động hóa ...);
- Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
- Tính toán, quản lại được động cơ không đồng bộ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;
- Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được máy điện theo yêu cầu;
- Thiết kế, lắp đặt vận hành và bảo trì hệ thống điện điều khiển sử dụng PLC;
- Lắp ráp, sửa chữa được các mạch điều khiển điện khí nén trong công nghiệp như dây truyền phân loại sản phẩm, hệ thống nâng hạ...;
- Sử dụng được các dụng cụ, máy móc chính trong nghề điện công nghiệp;
- Tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ bậc dưới theo chuyên môn của mình;
- Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc;

3.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**
Trình độ: Trung cấp



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu 2000 giờ (86 tín chỉ)

2. Kiến thức

2.1. Kiến thức cơ bản

- Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Có thể hiểu, sử dụng các từ ngữ, cấu trúc tiếng Anh cơ bản trong giao tiếp, tiếng Anh chuyên ngành trong công việc.
- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng An ninh.
- Có tác phong công nghiệp, tuân thủ các các nguyên tắc về vệ sinh, an toàn trong sản xuất.

2.2. Kiến thức thực tế và lý thuyết

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc của các thiết bị điện, máy điện trang bị cho ngành điện công nghiệp.
- Trình bày và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;
- Phân tích được các hư hỏng về điện trong các hệ thống điện công nghiệp.
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống điện công nghiệp;
- Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình PLC của các hãng khác nhau;
- Am hiểu các dụng cụ, máy móc chính được sử dụng trong nghề.

3. Kỹ năng

3.1. Kỹ năng cứng

- Lựa chọn và lắp đặt phụ tải điện dân dụng, công nghiệp;
- Lắp ráp, sửa chữa thay thế, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp (Hệ thống điều khiển, điện tự động hóa...);

- Xác định và sửa chữa được các hư hỏng của thiết bị điện gia dụng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất;
- Tính toán, quản lại được động cơ không đồng bộ một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;
- Lắp đặt vận hành hệ thống điện điều khiển sử dụng PLC;
- Sử dụng được các dụng cụ, máy móc chính trong nghề điện công nghiệp;
- Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

3.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.680 giờ (tương đương 59 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Biết được các ký hiệu vật liệu cơ bản: gang, thép, các loại hợp kim...;
- Phân tích được các ký hiệu về dung sai lắp ghép, sơ đồ lắp ghép, chuỗi kích thước;
- Trình bày được đặc điểm, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số loại máy công cụ: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng ... , máy bào - xọc, máy mài, máy tiện CNC, máy phay CNC, máy xung, máy cắt dây...;
- Trình bày được tính chất cơ lý của một số loại vật liệu làm dụng cụ cắt (dao, đá mài, vật liệu gia công kim loại và phi kim loại) và thép làm dao tiện, phay, bào, mũi khoan, mũi doa, đục, giũa...sau khi nhiệt luyện;
- Trình bày được đặc tính của lắp ghép, sai số về hình dáng hình học và vị trí tương quan, độ nhám bề mặt, chuỗi kích thước;
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, tính năng kỹ thuật, phạm vi ứng dụng của các dụng cụ đo, cách đo, đọc kích thước và hiệu chỉnh các loại thước cặp, panme, đồng hồ so, thước đo góc vạn năng, đồng hồ đo lỗ...;
- Nắm được nguyên lý hoạt động của động cơ điện không đồng bộ 3 pha, công dụng, cách sử dụng một số loại dụng cụ điện dùng trong máy công cụ;
- Mô tả được các quy tắc, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, quy trình 5S cho cơ sở sản xuất, các biện pháp các biện pháp nhằm tăng năng suất;
- Trình bày được đặc tính kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp sử dụng, bảo quản các dụng cụ (gá, cắt, kiểm tra...) trên một số loại máy công cụ;
- Tiếp cận được một số phương pháp gia công cơ bản trên máy tiện CNC, máy phay CNC, máy gia công tia lửa điện ... biết một số dạng sai hỏng, nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh;
- Trình bày được quy trình công nghệ gia công một số chi tiết theo yêu cầu;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Vẽ được một số bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp đúng yêu cầu kỹ thuật trên phần mềm vẽ kỹ thuật và gia công được chi tiết theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Chuyên được ký hiệu dung sai thành các kích thước tương ứng để gia công theo yêu cầu;
- Sử dụng được các dụng cụ cắt cầm tay như: Đục, giữa các mặt phẳng, khoan lỗ, cắt ren bằng bàn ren, ta rô, cưa tay;
 - Sử dụng thành thạo một hoặc nhiều loại máy công cụ như: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC;
 - Sử dụng được các dụng cụ kiểm tra, dụng cụ đo;
 - Mài được một số loại dao tiện, dao phay, dao bào, mũi khoan đúng yêu cầu kỹ thuật;
 - Phát hiện và sửa chữa được một số dạng sai hỏng thông thường của máy, đồ gá. Bảo dưỡng được một số thiết bị công nghệ cơ bản;
 - Gia công được một số chi tiết máy định hình trên máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC theo yêu cầu;
 - Lập được quy trình công nghệ để gia công một sản phẩm dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật;
 - Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng quy định;
 - Lập được kế hoạch sản xuất và quản lý thực hiện kế hoạch, thực hiện quy trình 5S;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ HÀN**

Trình độ: Cao đẳng



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Giải thích được các vị trí hàn (1G, 2G, 3G, 4G, 1F, 2F, 3F, 4F, 5G, 6G, 6GR); các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;
- Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và ứng dụng phương pháp hàn: SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG;
- Mô tả được các khuyết tật của mỗi hàn: SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG nguyên nhân và biện pháp đề phòng;
- Phân tích được phương pháp tính chế độ hàn và cách chọn chế độ hàn hợp lý;
- Trình bày và giải thích được quy trình hàn, chọn được vật liệu hàn, áp dụng vào thực tế của sản xuất;
- Giải thích được các ký hiệu mỗi hàn, phương pháp hàn trên bản vẽ tiêu chuẩn kỹ thuật của nghề;
- Phân tích được quy trình kiểm tra ngoại dạng mỗi hàn theo tiêu chuẩn quốc tế AWS, ISO...;
- Giải thích được các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;
- Mô tả được các biện pháp giảm ứng suất và biến dạng hàn;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi tai nạn xảy ra;
- Phân tích được nguyên nhân các dạng sai hỏng và biện pháp phòng tránh khuyết tật của mỗi hàn;
- Phân tích được các kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Đọc được các ký hiệu vật liệu hàn, ký hiệu mỗi hàn, vị trí hàn trên bản vẽ;
- Xác định và lựa chọn được phôi hàn và chế độ hàn hợp lý từ bản vẽ kỹ thuật của bản vẽ;

- Tính toán, gia công, chế tạo được phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ, bằng phương pháp thủ công và bằng các máy cắt chuyên dùng;

- Gá lắp được các kết cấu hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;

- Đấu nối, vận hành, sử dụng thành thạo các loại thiết hàn và điều chỉnh được các chế độ hàn hợp lý cho các dạng liên kết hàn khác nhau;

- Hàn được các mối hàn vật liệu thép các bon dạng tấm 1G÷4G, 1F÷4F, hàn ống 1G-6G, bằng phương pháp hàn SMAW, MAG/MIG, FCAW, SAW, TIG, OFW...;

- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn SAW vị trí 1F, 2F, 1G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

- Hàn được một số loại thép hợp kim thông dụng, kim loại màu và hợp kim màu bằng phương pháp hàn SMAW, GTAW, GMAW và biết cách xử lý nhiệt theo yêu cầu;

- Hàn sửa chữa được các mối hàn bị sai hỏng, khắc phục được các chi tiết máy bị mài mòn, bị nứt bằng các phương pháp hàn khác nhau;

- Bảo dưỡng được thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề Hàn;

- Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ;

- Xử lý được các tình huống sơ cứu người bị nạn tại các công trình thi công;

- Áp dụng được những biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;

- Kiểm tra được mối hàn theo tiêu chuẩn quốc tế AWS, ASME, ISO;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ HÀN**

Trình độ: Trung cấp



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.400 giờ (tương đương 50 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được các phương pháp gia công, chế tạo phôi hàn;
- Trình bày được phạm vi ứng dụng của các phương pháp hàn: SMAW, GMAW, GTAW, FCAW, SAW....;
- Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và vận hành thiết bị hàn SMAW, GMAG, FCAW, SAW, GTAW...;
- Mô tả được phương pháp tính chế độ hàn và cách chọn chế độ hàn hợp lý;
- Nhận biết được các ký hiệu mối hàn, phương pháp hàn trên bản vẽ kỹ thuật;
- Trình bày và giải thích được quy trình hàn, chọn được vật liệu hàn, áp dụng vào thực tế của sản xuất;
- Mô tả được quy trình kiểm tra ngoại dạng mối hàn theo tiêu chuẩn quốc tế AWS, ISO;
- Giải thích được các ký hiệu vật liệu hàn, vật liệu cơ bản;
- Mô tả được các kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- Trình bày được nguyên nhân và biện pháp phòng tránh khuyết tật của mối hàn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn phòng cháy, chống nổ và cấp cứu người khi bị tai nạn xảy ra;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Đọc được các ký hiệu vật liệu hàn, ký hiệu mối hàn, vị trí hàn trong các bản vẽ;
- Chế tạo được phôi hàn theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ bằng mỏ cắt khí bằng tay, máy cắt khí con rùa;
- Gá lắp được các kết cấu hàn theo các vị trí khác nhau theo yêu cầu kỹ thuật;
- Đấu nối, vận hành, điều chỉnh được chế độ hàn trên các thiết bị hàn SMAW, GMAW, FCAW, GTAW...;

- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn SMAW từ kết cấu đơn giản đến phức tạp các thép các bon thường, mối hàn đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ;
- Hàn được các mối hàn GMAW các vị trí hàn từ 1F - 3F và từ 1G - 3G đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Hàn được các mối hàn bằng phương pháp hàn GTAW cơ bản;
- Sửa chữa được một số mối hàn bị sai hỏng, xác định được nguyên nhân và biện pháp khắc phục đề phòng;
- Bảo dưỡng được thiết bị, dụng cụ và phòng chống cháy nổ của nghề hàn;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ;
- Xử lý được tình huống sơ cứu người bị nạn tại các công trình thi công;
- Áp dụng được những biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ: VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG NỀN
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.700 giờ (tương đương 60 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san;
- Mô tả được các đặc tính kỹ thuật và so sánh được các thông số kỹ thuật của các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san;
- Phân tích được một số nguyên nhân hư hỏng, cách kiểm tra, sửa chữa những hư hỏng thông thường của các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san;
- Mô tả được công dụng, phân loại, phương pháp bảo quản, sử dụng các loại nguyên vật liệu dùng trong thi công nền;
- Trình bày được quy trình bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san;
- Trình bày được phương pháp đọc bản vẽ thi công;
- Trình bày được phương pháp sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị đo đạc trong thi công nền;
- Trình bày được các nguyên tắc lựa chọn máy thi công nền;
- Trình bày được các phương pháp vận hành các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san;
- Trình bày được các sự cố thường gặp và biện pháp xử lý trong quá trình thi công;
- Trình bày được các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Đọc được bản vẽ thi công;
- Sử dụng thành thạo các dụng cụ thiết bị trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng thông thường;

- Thực hiện được công tác bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa được những hư hỏng thông thường các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san theo đúng yêu cầu kỹ thuật;

- Vận hành thành thạo các loại máy xúc, máy ủi, máy lu, máy san theo đúng yêu cầu kỹ thuật;

- Phân đoán, xử lý được các sự cố phát sinh trong quá trình thi công;

- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh lao động, xử lý được một số tình huống sơ cứu người bị nạn tại các công trình thi công;

- Áp dụng được những biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ MAY THỜI TRANG
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.650 giờ (tương đương 58 tín chỉ).

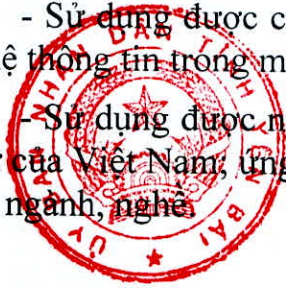
2. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về an toàn lao động vào quá trình thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề;
- Trình bày được nguyên lý, tính năng, tác dụng của các thiết bị trên dây chuyền may;
- Trình bày được phương pháp may các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, váy, áo Jacket;
- Phân tích được quy trình công nghệ may các loại sản phẩm;
- Trình bày được các sự cố tình huống xảy ra trong quá trình thực hiện công việc;
- Phân tích được các nguyên nhân sai hỏng, sự cố phát sinh;
- Phân tích được quy trình, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về 5S;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Phân biệt và lựa chọn được vật liệu may phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và đối tượng sử dụng;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; sơ cứu được một số tình huống tai nạn thường xảy ra tại nơi làm việc;
- Thiết kế được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket;
- Vận hành, sử dụng thành thạo các thiết bị may cơ bản, thiết bị may điện tử, các thiết bị chuyên dùng ngành may;
- Cắt, may được các kiểu áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ, áo Jacket;
- Xây dựng được quy trình công nghệ lắp ráp các loại sản phẩm may;
- Phát hiện, xử lý được những sự cố thông thường trong quá trình may sản phẩm;
- Sử dụng được đồ gá, ke, cữ...;

- Vận dụng được các kiến thức 5S vào quá trình thực hiện từng công việc cụ thể;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.



**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.400 giờ (tương đương 50 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được các khái niệm, tiêu chuẩn trong vẽ kỹ thuật xây dựng;
- Trình bày được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng và phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành, nghề;
- Trình bày được khái niệm về sinh thái học, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường; phương thức “xanh hóa” trong kỹ thuật xây dựng;
- Nêu được phương pháp, nguyên tắc, dấu hiệu nhận biết các loại vật liệu xây dựng;
- Trình bày được phương pháp tính toán khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;
- Trình bày được các nội dung cơ bản về kỹ thuật thi công đất, kỹ thuật xây, kỹ thuật hoàn thiện, kỹ thuật thi công cấp pha giàn giáo, kỹ thuật thi công cốt thép, kỹ thuật thi công bê tông: các công việc chủ yếu, yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Đọc và phát hiện được các lỗi thông thường trong của bản vẽ kỹ thuật, thi công xây dựng;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp bảo vệ môi trường trong cuộc sống và công việc của nghề;
- Tổ chức thực hiện được quy trình 5S trong tổ chức thi công xây dựng;
- Lựa chọn được vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng xanh;
- Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;

- Làm được các công việc của nghề kỹ thuật xây dựng như: đào móng, xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, lắp dựng và tháo dỡ cốp pha, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép, trộn đổ đầm bê tông, bả mát tít, sơn vôi, trần tường thạch cao và một số công việc khác: lắp đặt mạng điện sinh hoạt, lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà theo yêu cầu kỹ thuật;
- Tính toán được khối lượng, vật liệu, nhân công và dự toán kinh phí cho các công việc được giao;
- Nghiệm thu được khối lượng và chất lượng công trình;
- Lập được báo cáo tổng hợp trình cấp trên;
- Phát hiện được một số sai hỏng, sự cố kỹ thuật và có phương án đề xuất xử lý kịp thời;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.



**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG
Trình độ: Cao đẳng**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.505 giờ (tương đương 86 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh đi lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC
ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**
Trình độ: Cao đẳng



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1800 giờ (tương đương 65 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được nguyên lý, quá trình quản trị nói chung, quản trị con người, tài sản, tài chính, quản trị marketing của công ty du lịch, lữ hành;
- Trình bày được đặc điểm đặc trưng của văn hóa vùng miền, dân tộc;
- Trình bày được các tuyến, điểm du lịch cụ thể, hệ thống tài nguyên du lịch của các tuyến điểm, vùng miền;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của người hướng dẫn viên;
- Trình bày được những đặc điểm văn hóa, lịch sử, xã hội chuyên sâu, khác biệt của điểm du lịch;
- Xác định được đặc điểm, giá trị nổi bật của điểm du lịch (giá trị cảnh quan, thẩm mỹ, lịch sử, văn hóa, khoa học,...);
- Mô tả được quy trình tổ chức chương trình du lịch, kiến thức về viết bài thuyết minh, hướng dẫn đối tượng tham quan du lịch; quy trình xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình chương trình du lịch; cách thức tổ chức các hoạt động hoạt náo cho khách du lịch;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành thực hiện chương trình du lịch;
- Trình bày được cơ cấu tổ chức bộ máy doanh nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong một công ty du lịch;
- Thiết kế được chương trình du lịch, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, đánh giá kết quả kinh doanh và tổng kết công việc;
- Xác định được kiến thức về nhiều lĩnh vực khác nhau (địa lý, cảnh quan, lịch sử dân tộc, đất nước,...) của các quốc gia;
- Xác định được những kiến thức về kinh tế, chính trị của các quốc gia, vùng lãnh thổ.
- Thông hiểu những quy định về thủ tục xuất nhập cảnh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Tổ chức khảo sát và thiết kế được các chương trình du lịch cơ bản và phức tạp theo yêu cầu khách hàng;
- Tư vấn và bán chương trình du lịch một cách có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của khách và quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu về nội dung, phương tiện và các trang thiết bị hỗ trợ trước khi thực hiện hướng dẫn cho khách du lịch;
 - Xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức đón tiếp khách du lịch;
 - Xây dựng kế hoạch, chương trình lưu trú và ăn uống cho khách du lịch;
 - Tổ chức được các hoạt động team building, vui chơi giải trí và mua sắm đáp ứng yêu cầu khách du lịch;
 - Thuyết minh tại điểm du lịch và trên các phương tiện giao thông;
 - Quản lý khách trong quá trình tham quan du lịch đảm bảo an toàn, đúng lịch trình;
 - Xây dựng kế hoạch, giám sát hoạt động tiễn khách an toàn, hiệu quả;
 - Thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các nhà cung ứng dịch vụ;
 - Thực hiện báo cáo đánh giá kết quả chương trình du lịch;
 - Giao tiếp hiệu quả với khách hàng bằng tiếng Việt và các ngoại ngữ khác phù hợp với yêu cầu hướng dẫn khách du lịch;
 - Điều hành tổ chức chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng hiệu quả trước, trong và sau quá trình thực hiện chương trình du lịch;
 - Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị tại bộ phận hướng dẫn;
 - Cập nhật những kiến thức, thông tin mới về các tuyến, điểm du lịch;
 - Nắm bắt các xu hướng phát triển mới của văn hóa, du lịch, lễ hành, khách sạn và áp dụng hiệu quả trong công việc;
 - Thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;
 - Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

**KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC
ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ HƯỚNG DẪN DU LỊCH
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1400 giờ (tương đương 50 tín chỉ)

2. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm đặc trưng của văn hóa vùng miền, dân tộc;
- Trình bày được các tuyến, điểm du lịch cụ thể, hệ thống tài nguyên du lịch của các tuyến điểm, vùng miền;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của người hướng dẫn viên;
- Trình bày được những đặc điểm văn hóa, lịch sử, xã hội chuyên sâu, khác biệt của điểm du lịch;
- Trình bày được đặc điểm, giá trị nổi bật của điểm du lịch (giá trị cảnh quan, thẩm mỹ, lịch sử, văn hóa, khoa học...);
- Mô tả được quy trình tổ chức thực hiện chương trình du lịch, kiến thức về viết bài thuyết minh, hướng dẫn đối tượng tham quan du lịch; quy trình xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch; cách thức tổ chức các hoạt động hoạt náo cho khách du lịch;
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành thực hiện chương trình du lịch;
- Thiết kế được chương trình du lịch, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình du lịch, đánh giá kết quả kinh doanh và tổng kết công việc;
- Xác định được kiến thức về nhiều lĩnh vực khác nhau (địa lý, cảnh quan, lịch sử dân tộc, đất nước...) của các quốc gia;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Xây dựng và bán được các sản phẩm du lịch như chương trình du lịch tham quan thuần túy, chương trình teambuilding, chương trình du lịch MICE, chương trình gala lunch/dinner;
- Tổ chức hoạt động tham quan, vui chơi, giải trí cho khách du lịch;

- Thuyết minh tại điểm du lịch và trên các phương tiện giao thông;- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị hỗ trợ tại điểm tham quan và trên phương tiện phục vụ khách du lịch;
- Điều hành được các công việc hàng ngày và quản lý thời gian cá nhân và nhóm làm việc một cách hiệu quả;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại bộ phận hướng dẫn du lịch;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với khách hàng, cấp trên và đồng nghiệp;
- Làm được các loại mẫu biểu, báo cáo, văn bản đối nội, hợp đồng thông dụng đối với các đơn vị đối tác du lịch và khách hàng;
- Thực hiện được thao tác nghiệp vụ thanh toán, các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng;
- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ: KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1400 giờ (tương đương 50 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Đọc, hiểu đúng công thức chế biến, yêu cầu cảm quan của các món ăn phổ biến;
- Liệt kê được các loại nguyên liệu chính, nguyên liệu phụ và nguyên liệu gia vị sử dụng trong chế biến các món ăn cơ bản Á, Âu...;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu ở bộ phận chế biến, mô tả được công dụng và những điểm cần chú ý của chúng khi sử dụng;
- Phân tích được các yêu cầu của các quy trình nghiệp vụ cơ bản: Chuẩn bị chế biến; vệ sinh khu vực chế biến; quy trình chế biến các loại nước dùng, món ăn chế biến từ thịt, rau, thủy hải sản; các món ăn Á, Âu...;
- Trình bày được tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ăn uống và cách thức đánh giá chất lượng. Đề xuất được các biện pháp nâng cao chất lượng;
- Phân tích được tầm quan trọng của vệ sinh, an toàn thực phẩm và an toàn lao động trong quá trình chế biến;
- Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn lao động;
- Tiếp cận được kiến thức chuyên sâu và có thể theo học ở các bậc cao hơn liên quan đến Kỹ thuật chế biến món ăn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Thực hiện chế biến món ăn theo định mức chế biến tại bộ phận;
- Sử dụng và bảo quản nguyên liệu thực phẩm chế biến đúng kỹ thuật;
- Thực hiện việc sơ chế nguyên liệu thực phẩm theo đúng các nguyên tắc quy trình kỹ thuật;
- Chế biến được các món ăn trong thực đơn Á, Âu, tiệc... để phục vụ khách trong các nhà hàng;
- Phối hợp với bộ phận bàn trong quá trình phục vụ khách ăn uống;

- Dự tính, hạn chế các tình huống phát sinh trong lĩnh vực mà mình tham gia; phân tích đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các tình huống trong quá trình chế biến món ăn;

- Đưa ra được các quyết định kỹ thuật trong phạm vi giới hạn chuyên môn đã được đào tạo;

- Thực hiện các công việc của nghề bảo đảm vệ sinh, an toàn, an ninh và bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch;

- Thực hiện đúng các nguyên tắc về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy trong quá trình chế biến món ăn;

- Tổ chức công việc và tham gia làm việc theo nhóm nhỏ, có khả năng phối hợp với những vị trí khác có liên quan trong công việc;

- Kiểm tra, giám sát chuyên môn và hướng dẫn kỹ thuật đối với nhân viên mới, thực tập sinh ... trong phạm vi giới hạn chuyên môn được đào tạo;

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ BIỂU DIỄN NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG
Trình độ: Cao đẳng**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Xác định được kiến thức cơ sở ngành âm nhạc nói chung; kiến thức cơ sở ngành ca múa nhạc kịch truyền thống; kiến thức cơ sở ngành âm nhạc cổ truyền; kiến thức cơ sở về hòa âm, điệu thức, tư duy lòng bản;

- Phân biệt, liệt kê được tính năng, công dụng các nhạc cụ truyền thống Việt Nam; các loại nhạc cụ, trang thiết bị biểu diễn, đạo cụ chủ yếu của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật hoặc các đơn vị, văn hóa thông tin cơ sở;

- Xác định được vị trí, vai trò và đặc trưng của hoạt động biểu diễn nhạc cụ truyền thống, tác động của nó đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, đào tạo nghệ thuật;

- Phân tích được các quy trình hoạt động nghệ thuật cơ bản của đơn vị;

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật, các cơ quan đơn vị văn hóa cơ sở;

- Trình bày, giải thích được nguyên tắc đảm bảo an toàn, tiến độ thực hiện, chất lượng công việc; lý do phải tuân thủ các quy định của đơn vị để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và có biện pháp phòng ngừa;

- Mô tả được quy trình lập kế hoạch các hoạt động biểu diễn, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc tại các bộ phận của đơn vị;

- Xác định được các công việc cơ bản trong quản lý chuyên môn, nhân sự, quản lý cơ sở vật chất trang thiết bị như: Đạo cụ, phục trang..., quản lý tài chính;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Biểu diễn được thành thạo một đến hai nhạc cụ truyền thống bằng hình thức độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, tốp nhạc, hòa tấu phong cách nhạc cổ truyền, diễn tấu tốt các kỹ thuật, biểu hiện rõ tính chất và tình cảm của tác phẩm, thể hiện các chất liệu của các bài cơ bản đặc trưng của các vùng miền trên nhạc cụ biểu diễn;

- Sử dụng đúng, an toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị như: Sân khấu, đạo cụ, phục trang... theo quy định;

- Xây dựng được các kế hoạch nghiệp vụ như: Kế hoạch biểu diễn, kế hoạch phân công công việc, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, đạo cụ, kế hoạch phục vụ tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện...;

- Tổ chức được các hoạt động tập huấn, biểu diễn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên môn...;

- Tổ chức thực hiện được đề cương, kịch bản âm nhạc, nội dung, chương trình cho các hoạt động chuyên môn;

- Quản lý, giám sát, kiểm tra, đánh giá được kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và chất lượng tại các bộ phận làm việc;

- Phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động âm nhạc của các bộ phận trong từng thời điểm, phát hiện ra được các nguyên nhân, hạn chế, đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động âm nhạc;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ biểu diễn, giảng dạy và các hoạt động âm nhạc khác;

- Thực hiện việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa và phát huy tinh hoa của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam;

- Xác định được xu hướng và thị hiếu thưởng thức của khán giả để áp dụng vào hoạt động chuyên môn; tham gia hoạt động hiệu quả trong các nhóm hoạt động nghề nghiệp;

- Phối hợp, tham gia các sự kiện được tổ chức đoàn thể, quần chúng, xã hội để trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, tư liệu cho hoạt động nghề nghiệp;

- Tích hợp được các kỹ năng làm việc nhóm như: Tổ chức, hợp tác, gắn kết, đồng thuận, lắng nghe, trách nhiệm, trợ giúp... để thực hiện tốt các công việc được giao;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ BIỂU DIỄN NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.700 giờ, tương đương 60 tín chỉ.

2. Kiến thức

- Nhận biết kiến thức cơ sở ngành âm nhạc nói chung; kiến thức cơ sở ngành ca múa nhạc kịch truyền thống; kiến thức âm nhạc cổ truyền; tư duy lòng bản;
- Phân biệt được tính năng các nhạc cụ truyền thống Việt Nam, liệt kê được các loại nhạc cụ, trang thiết bị biểu diễn, đạo cụ chủ yếu của các bộ phận trong nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật hoặc các đơn vị, văn hóa thông tin cơ sở và hiểu rõ vị trí, công dụng của chúng;
- Xác định được vị trí, vai trò và đặc trưng của hoạt động biểu diễn nhạc cụ truyền thống, tác động của nó đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật, đào tạo nghệ thuật, góp phần phát triển và bảo tồn nghệ thuật truyền thống, thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển bền vững;
- Mô tả được các quy trình hoạt động nghệ thuật cơ bản của đơn vị;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong các nhà hát ca múa nhạc chuyên nghiệp, nhà hát nghệ thuật truyền thống, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng văn hóa nghệ thuật, các cơ quan đơn vị văn hóa cơ sở...;
- Trình bày được nguyên tắc đảm bảo an toàn, tiến độ thực hiện, chất lượng công việc, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định của đơn vị để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và có biện pháp phòng ngừa;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Biểu diễn được từ một đến hai nhạc cụ truyền thống bằng hình thức độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, tốp nhạc, hòa tấu phong cách nhạc cổ truyền, diễn tấu tốt các kỹ thuật, biểu hiện rõ tính chất và tình cảm của tác phẩm, thể hiện các chất liệu của các bài cơ bản đặc trưng của các vùng miền trên nhạc cụ biểu diễn;
- Sử dụng đúng, an toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị như: Sân khấu, đạo cụ, phục trang... theo quy định;
- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn như: Tập huấn, biểu diễn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm...;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ biểu diễn và các hoạt động âm nhạc khác;
- Tuyên truyền, quảng bá, phổ biến về ngành học để phát triển, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Xác định được xu hướng và thị hiếu thưởng thức của khán giả để áp dụng vào hoạt động chuyên môn; tham gia hoạt động hiệu quả trong các nhóm hoạt động nghề nghiệp;
- Phối hợp, tham gia các sự kiện được tổ chức bởi đoàn thể, quần chúng, xã hội để trải nghiệm, đúc rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, tư liệu cho hoạt động nghề nghiệp;
- Tích hợp được một số kỹ năng làm việc nhóm như: Tổ chức, hợp tác, gắn kết, đồng thuận, lắng nghe, trách nhiệm, trợ giúp để thực hiện tốt các công việc được giao;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY**

Trình độ: Cao đẳng

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của nghệ sỹ biểu diễn tham gia trong các chương trình nghệ thuật, những ảnh hưởng, tác động của nghệ thuật đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;
- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức cơ bản và hệ thống về kỹ thuật biểu diễn nhạc cụ phương Tây, hiểu biết các phương pháp diễn tấu nhạc cụ từ cổ điển, đương đại, các phương pháp kỹ thuật trình diễn;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm biểu diễn nhạc cụ phương Tây đạt yêu cầu đề ra;
- Trình bày các yêu cầu kỹ thuật các tác phẩm viết cho độc tấu, hòa tấu thính phòng, dàn nhạc giao hưởng như Symphony, Overture, Rondo, Sonate, Concerto...; các phong cách âm nhạc Pop/Rock đương đại;
- Mô tả được các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của nhạc cụ để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;
- Mô tả được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Mô tả được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của nghệ sỹ biểu diễn trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, phương pháp khai thác các phần mềm, ứng dụng âm nhạc phổ cập trên mạng truyền thông để phục vụ cho ngành, nghề;
- Xác định được các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng, đầy đủ các loại nhạc cụ truyền thống khi tham gia luyện tập và biểu diễn;

- Sử dụng thành thạo các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của ngành, nghề; các phương pháp để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;

- Luyện tập được thành thạo các kỹ thuật cơ bản (gam, etude), phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc...;

- Đọc và chuyên được các khóa nhạc khác nhau;

- Đệm, ứng tác độc tấu; phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc;

- Thể hiện được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản biểu diễn tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau dưới các hình thức trình diễn độc tấu nhạc cụ, dàn nhạc, ban nhạc, nhóm nhạc...;

- Trình diễn độc tấu, hòa tấu dàn nhạc, ban nhóm các tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau như: Symphony, Overture, Rondo, Sonate, Concerto và các tác phẩm mang phong cách âm nhạc Pop/Rock...;

- Xây dựng được tác phẩm âm nhạc giao hưởng thính phòng theo đúng phong cách của từng tác phẩm, tác giả;

- Tiếp cận linh hoạt các thể loại, hình thức biểu diễn âm nhạc;

- Diễn xuất, làm chủ sân khấu theo nội dung tác phẩm âm nhạc cổ điển thính phòng; ứng tác với các nghệ sỹ biểu diễn nhạc Pop/Rock;

- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.700 giờ (tương đương 60 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Mô tả được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức cơ bản về kỹ thuật biểu diễn nhạc cụ phương Tây, hiểu biết và phân biệt được các phương pháp kỹ thuật diễn tấu nhạc cụ;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành cơ bản để luyện tập, xây dựng tác phẩm Biểu diễn nhạc cụ phương Tây đạt yêu cầu đề ra;
- Mô tả được các kỹ thuật cơ bản của ngành, nghề, các kiểu kỹ thuật phát âm khác nhau của nhạc cụ..., hiểu biết các phương pháp để luyện tập và thực hiện các loại kỹ thuật đó;
- Mô tả được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Biết được phương pháp đảm bảo an toàn cho người và dụng cụ, thiết bị khi biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Lựa chọn đúng, đầy đủ các loại nhạc cụ truyền thống khi tham gia luyện tập và biểu diễn;
- Trình diễn được các kỹ thuật diễn tấu cơ bản của ngành, nghề;
- Trình diễn được các kỹ thuật cơ bản (Gam, Etude...), phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc đơn giản...;
- Thể hiện được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản biểu diễn tác phẩm khí nhạc với các thể loại khác nhau dưới các hình thức trình diễn độc tấu nhạc cụ, dàn nhạc, ban nhạc, nhóm nhạc...;
- Luyện tập được thành thạo thị tấu; đọc và chuyển các khóa nhạc khác nhau; đệm, phối bè, tập dàn nhạc, nhóm nhạc...;
- Biểu diễn được các tác phẩm âm nhạc phương Tây với các phong cách khác nhau;

- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị dụng cụ biểu diễn;

- Vận dụng linh hoạt, phù hợp các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ THANH NHẠC
Trình độ: Cao đẳng**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Xác định được vị trí, vai trò của ca sỹ tham gia biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật, những ảnh hưởng, tác động của nghệ thuật đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;
- Phân tích được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Phân tích được kiến thức có hệ thống và cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, hiểu biết các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm thanh nhạc đạt yêu cầu đề ra;
- Trình bày được các kỹ thuật thể hiện tác phẩm thanh nhạc như: Aria, Romance, tổ khúc, ca khúc, hợp xướng...;
- Trình bày được các hình thức nghệ thuật liên quan đến ngành, nghề như nghệ thuật trình diễn sân khấu, nghệ thuật múa, nghệ thuật trang điểm, trang phục...;
- Phân tích được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của ca sỹ trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Trình bày được phương pháp lựa chọn các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Ứng dụng được các kỹ thuật cơ bản và có hệ thống của ngành, nghề; thực hiện được các phương pháp hát từ cổ điển, dân ca và đương đại;
- Biểu diễn được các tác phẩm thanh nhạc như: Romance, tổ khúc, ca khúc dân ca, ca khúc đương đại với các hình thức hát đơn ca, tốp ca, hợp xướng... bằng các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản theo yêu cầu;

- Tự luyện thanh, vỡ bài hát, phối bè, hát đơn ca, hát nhóm...;
- Xây dựng được tác phẩm thanh nhạc với nhiều phong cách khác nhau;
- Rèn luyện khả năng diễn xuất, làm chủ sân khấu theo nội dung tác phẩm thanh nhạc;
- Thực hiện được kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể; giải phóng cơ thể khi hát và diễn;
- Sử dụng được một loại nhạc cụ để đệm hát hoặc diễn tấu những đoạn nhạc đơn giản;
- Ứng dụng được kỹ năng phân tích âm nhạc, phối bè đơn giản;
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị âm thanh dùng cho hát như micro, phần mềm âm nhạc;
- Chọn đúng, đầy đủ được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn;
- Tổ chức, sắp xếp được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ THANH NHẠC
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.700 giờ (tương đương 60 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Xác định được những kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các kiến thức cơ sở ngành âm nhạc như xướng âm, ghi âm, hòa thanh...;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, hiểu biết các phương pháp hát cổ điển, dân ca và đương đại;
- Trình bày được các kỹ thuật thể hiện tác phẩm thanh nhạc như Aria, romance, tổ khúc, ca khúc, hợp xướng...;
- Xác định được các kiến thức, kỹ thuật chuyên ngành để luyện tập, xây dựng tác phẩm thanh nhạc đạt yêu cầu đề ra;
- Xác định được kiến thức cơ bản về nghệ thuật trình diễn sân khấu, giải phóng hình thể, nghệ thuật múa dân gian dân tộc và dance sport;
- Mô tả được các hình thức trình diễn trên sân khấu, vị trí vai trò của ca sỹ trên sân khấu tùy theo từng thể loại âm nhạc, chương trình biểu diễn nghệ thuật cụ thể;
- Trình bày được phương pháp lựa chọn các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn và giải thích công dụng của chúng;
- Mô tả được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Áp dụng được các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản thanh nhạc trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Các kỹ năng biểu diễn các tác phẩm thanh nhạc như: Aria, romance, tổ khúc, ca khúc dân ca, ca khúc đương đại với các hình thức hát đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...;
- Thể hiện được kỹ thuật luyện thanh, vỡ bài hát, phối bè, hát đơn ca, hát nhóm... theo yêu cầu;
- Rèn luyện khả năng xây dựng tác phẩm thanh nhạc với nhiều phong cách khác nhau;

- Sử dụng được các trang thiết bị âm thanh dùng cho hát như micro, phần mềm âm nhạc, khai thác các ứng dụng công nghệ truyền thông;
- Rèn luyện kỹ năng giải phóng hình thể biểu diễn trên sân khấu, kỹ năng vũ đạo cơ bản và nhảy dance sport;
- Luyện tập kỹ thuật nhạc cụ để sử dụng đệm hát đơn giản;
- Áp dụng được kỹ năng phân tích âm nhạc, phối bè đơn giản;
- Chọn đúng, đầy đủ được các loại trang thiết bị, công cụ âm thanh chuyên dụng, các loại nhạc cụ chủ yếu trong trình diễn;
- Tổ chức, sắp xếp được các biện pháp đảm bảo an toàn cho dụng cụ, thiết bị và người tham gia biểu diễn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ: GIA CÔNG VÀ THIẾT KẾ SẢN PHẨM MỘC
Trình độ: Cao đẳng**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2.500 giờ (tương đương 90 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được quy định an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong quá trình làm việc;
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của vật liệu gỗ;
- Phân biệt được những khuyết tật của gỗ để phòng tránh khi gia công;
- Giải thích được nguyên tắc cơ bản vẽ hình họa theo mẫu, các dạng bố cục trong các hình cơ bản;
- Trình bày được các quy định về quản lý và các hình thức quản lý sản xuất;
- Phân tích được cấu tạo, công dụng, cách mài, cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ;
- Phân tích được cấu tạo, công dụng, nguyên lý hoạt động của thiết bị dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ;
- Phân tích được quy trình vận hành các loại thiết bị dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ;
- Nêu được công dụng, phương pháp sử dụng các lệnh vẽ trong các phần mềm thiết kế để dựng hình và vẽ sản phẩm mộc như Autocad, 3D Max, Photoshop và Coreldraw ...;
- Phân tích được các yêu cầu của sản phẩm mộc, nguyên lý thiết kế đảm bảo kích thước, công dụng và tính mỹ thuật;
- Phân tích được nguyên tắc tạo và gán các vật liệu trong thiết kế sản phẩm mộc, phản ánh được đặc điểm của vật liệu từng chi tiết của sản phẩm mộc;
- Phân tích được quy trình thiết kế sản phẩm mộc trong không gian nội thất sẵn có;
- Trình bày được quy trình chuẩn bị nguyên vật liệu;
- Phân tích được quy trình pha phối;
- Mô tả được quy trình gia công mặt phẳng, mặt cong sản phẩm gỗ;
- Phân tích được quy trình gia công mối ghép sản phẩm, quy trình gia công ghép ván;
- Mô tả được quy trình tiện gỗ, quy trình lắp ráp sản phẩm;

- Trình bày được quy trình trang sức bề mặt sản phẩm đồ gỗ;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Phân loại được các loại gỗ thường dùng trong sản xuất đồ mộc theo tên gọi, theo nhóm gỗ;
- Sử dụng được các dụng cụ thủ công, máy mộc cầm tay, thiết bị và máy trong dây chuyền sản xuất đồ mộc để pha phôi gỗ, bào mặt phẳng, gia công mặt cong, gia công các mối ghép mộng, ghép ván, lắp ráp và trang sức bề mặt sản phẩm mộc;
 - Gia công được các loại sản phẩm mộc thông dụng như bàn, ghế, giường, tủ theo đúng quy trình sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm;
 - Tính toán được giá thành của một sản phẩm mộc;
 - Sử dụng được các lệnh vẽ trong các phần mềm như AUTOCAD, 3D Max, Photoshop và Coreldraw để dựng hình và vẽ sản phẩm mộc đảm bảo công năng, mục đích sử dụng;
 - Thiết kế được nội thất cho phòng làm việc theo yêu cầu của khách hàng;
 - Tạo và gán được các vật liệu trong thiết kế sản phẩm mộc, phản ánh được đặc điểm của vật liệu từng chi tiết của sản phẩm mộc;
 - Thiết kế được sản phẩm mộc trong không gian nội thất sẵn có;
 - Phát hiện, xử lý được các sai hỏng khi thiết kế, gia công, hoàn thiện các sản phẩm mộc;
 - Vận dụng các kỹ năng mềm như: Kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;
 - Xây dựng được các quy trình và thực hiện an toàn lao động và vệ sinh lao động trong quá trình làm việc, thực hành tiết kiệm trong sản xuất, chấp hành các quy định về bảo vệ gìn giữ vệ sinh môi trường;
 - Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
 - Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ: GIA CÔNG VÀ THIẾT KẾ SẢN PHẨM MỘC
Trình độ: Trung cấp**

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.700 giờ (tương đương 60 tín chỉ)

2. Kiến thức

- Nêu được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong quá trình làm việc;
- Trình bày được các đặc điểm cơ bản của vật liệu gỗ;
- Nhận biết được những khuyết tật của gỗ để phòng tránh khi gia công;
- Giải thích được nguyên tắc cơ bản vẽ hình họa theo mẫu, các dạng bố cục trong các hình cơ bản;
- Nêu được khái niệm về quản lý và các hình thức quản lý sản xuất;
- Phân tích được cấu tạo, công dụng, cách mài, cách sử dụng các loại dụng cụ thủ công dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ;
- Trình bày được cấu tạo, công dụng, nguyên lý hoạt động của thiết bị dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ; quy trình vận hành các loại thiết bị dùng trong sản xuất sản phẩm gỗ; các yêu cầu của sản phẩm mộc, nguyên lý thiết kế đảm bảo kích thước, công dụng và tính mỹ thuật;
- Trình bày được quy trình thiết kế sản phẩm mộc trong không gian nội thất sẵn có;
- Trình bày được quy trình chuẩn bị nguyên vật liệu;
- Phân tích được quy trình pha phối;
- Mô tả được quy trình gia công mặt phẳng, mặt cong sản phẩm gỗ;
- Phân tích được quy trình gia công mối ghép sản phẩm; quy trình gia công ghép ván;
- Mô tả được quy trình tiện gỗ, quy trình lắp ráp sản phẩm;
- Trình bày được quy trình trang sức bề mặt sản phẩm đồ gỗ.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Phân loại được các loại gỗ thường dùng trong sản xuất đồ mộc theo tên gọi, theo nhóm gỗ;

- Sử dụng được các dụng cụ thủ công, máy mộc cầm tay, thiết bị và máy trong dây chuyền sản xuất đồ mộc để pha phôi gỗ, bào mặt phẳng, gia công mặt cong, gia công các mối ghép mộng, ghép ván, lắp ráp và trang sức bề mặt sản phẩm mộc;
- Gia công được các loại sản phẩm mộc thông dụng như bàn, ghế, giường, tủ theo đúng quy trình sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm;
- Tính toán được giá thành của một sản phẩm mộc;
- Thiết kế được nội thất cho phòng làm việc theo yêu cầu của khách hàng;
- Phát hiện, xử lý được các sai hỏng khi thiết kế, gia công;
- Vận dụng các kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, đàm phán, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm ... vào quá trình làm việc một cách hiệu quả;
- Áp dụng được các quy trình an toàn lao động và vệ sinh lao động trong quá trình làm việc, thực hành tiết kiệm trong sản xuất, chấp hành các quy định về bảo vệ gìn giữ vệ sinh môi trường;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ THIẾT KẾ ĐỒ HỌA
Trình độ: Trung cấp**



1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1.350 giờ (tương đương 53 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin, mạng máy tính và Internet;
- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;
- Trình bày và sử dụng được kiến thức về một số hệ thống sản xuất hiện đại và hệ thống sản xuất các sản phẩm đồ họa, các kiến thức về quy trình sản xuất một sản phẩm đồ họa;
- Trình bày được kiến thức về tạo hình mỹ thuật, kiến thức về đường, hình, khối và một số vấn đề mỹ thuật liên quan; các kiến thức cơ bản về đồ họa, đồ họa công nghiệp;
- Trình bày được kiến thức chung về ảnh số, các hệ màu trên máy tính, các kỹ thuật biến đổi ảnh và các thao tác với ảnh số, quy trình phục chế ảnh, xử lý hậu kỳ;
- Trình bày được các kiến thức: bộ nhận diện thương hiệu và các công cụ tạo lập các chế bản ngắn, đơn giản, tổ chức và sắp xếp chế bản của một ấn phẩm;
- Xác định được các kiến thức cơ sở về đồ họa và đồ họa trên vi tính;
- Xác định rõ các kiến thức cơ sở về mỹ thuật, thẩm mỹ;
- Xác định được kiến thức cơ bản liên quan đến dịch vụ web và thiết kế giao diện WebSite, nhân vật game;
- Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D; Trình bày được các kiến thức liên quan đến tạo hình 2D;
- Xác định được các kiến thức về ánh sáng chụp ảnh, cấu tạo máy ảnh, sử dụng máy ảnh cơ học và máy ảnh số;
- Xác định được các kiến thức cơ bản và nguyên lý hoạt động cũng như cách sử dụng một số thiết bị ngoại vi số;
- Xác định được cách nâng cao về xử lý ảnh, tập trung vào các kỹ năng biên tập ảnh nhằm đáp ứng các yêu cầu của các bài toán thực tế;
- Xác định được cách dựng sản phẩm đa phương tiện, tích hợp các dữ liệu thu thập, theo kịch bản; kỹ năng thu thập dữ liệu thực tế phục vụ cho việc dựng phim, biên tập âm thanh;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Thực hiện được việc kết nối, điều khiển máy tính, các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng qui trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Cài đặt được các chương trình điều khiển các thiết bị ngoại vi số và thao tác, vận hành và bảo quản các thiết bị ngoại vi số;
- Cài đặt và sử dụng được các phần mềm dùng trong thiết kế đồ họa như: phần mềm thiết kế 2D, phần mềm dựng phim, game, phần mềm xử lý ảnh và đồ họa, phần mềm xử lý âm thanh và Video,...;
- Thực hiện được việc khai thác Internet, tra cứu tài liệu tiếng Việt hoặc tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu công việc;
- Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;
- Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lý các ảnh tĩnh, ảnh động; Thiết kế đối tượng đồ họa game, hoạt hình;
- Thiết kế được giao diện Website và sử dụng được các kiến thức về đồ họa để thiết kế Banner Marketing trên internet, quảng cáo trên mạng xã hội;
- Thực hiện được việc tích hợp dữ liệu đa phương tiện; Thu thập được dữ liệu ảnh, hình động, video, âm thanh;
- Tạo lập và sử dụng được đồ họa, các lớp đồ họa; Tạo lập được một số ấn phẩm chuyên dụng sử dụng nội bộ và tạo lập được các ấn phẩm nhằm mục đích quảng cáo;
- Xử lý được ảnh theo yêu cầu thực tế, phục chế ảnh cũ,...;
- Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;
- Thực hiện được các dịch vụ liên quan đến thiết kế đồ họa, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; đọc và hiểu được tài liệu tiếng anh chuyên ngành.

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
NGHỀ THÚ Y**

Trình độ: Trung cấp

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 1530 giờ (tương đương 55 tín chỉ).

2. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến thú y;
- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

3. Kỹ năng

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;
- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;
- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;
- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.